TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần văn Chánh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2287/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986; Thường trú: Khu phố Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Phạm Hữu N1, sinh năm 1981; thường trú tại: K, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Tổ B, Khu phố Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Phạm Hữu N1 kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận kết hôn số 192/TP-HT ngày 28/12/2010. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà N và ông N1 sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà N xin ly hôn với ông Phạm Hữu N1.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Phạm Hữu N1:** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với ông Phạm Hữu N1; về con chung, tài sản chung và nợ chung bà N khai không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hữu N1. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà N là nguyên đơn, ông Nghĩa l bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn".

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì ông Phạm Hữu N1 đang cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Tuyết N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Hữu N1 đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Phạm Hữu N1 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 192/TP-HT ngày 28/12/2010, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà N khai, trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 11 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường P xác định vợ chồng bà N, ông N1 có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ vì các đương sự không trình báo hay yêu cầu địa phương hòa giải. Từ khi bà N gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N1 nhưng ông N1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa bà N và ông N1 đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Ông N1 bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, bà N xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà N xác định bà và ông N1 không có con chung. Ông N1 không cung cấp lời khai về con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông N1 không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông N1 không lên Tòa cung cấp lời khai về nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, 56, 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với bị đơn ông Phạm Hữu N1

Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Phạm Hữu N1.

2. Về con chung: Bà N xác định bà và ông N1 không có con chung. Ông N1 không cung cấp lời khai về con chung nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông N1 không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông N1 không lên Tòa cung cấp lời khai về nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết..

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã

nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009129 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án DS TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị N2